

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>383.535.464.799</b>	<b>80.885.590.744</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>77.278.951.932</b>	<b>3.005.448.124</b>
1. Tiền	111		77.278.951.932	3.005.448.124
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>115.626.676.592</b>	<b>43.078.900.361</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	58.459.592.680	36.223.188.388
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	57.207.982.400	6.318.174.350
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	242.585.221	680.803.967
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(283.483.709)	(143.266.344)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>177.544.596.708</b>	<b>33.588.654.929</b>
1. Hàng tồn kho	141		177.544.596.708	33.588.654.929
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.085.239.567</b>	<b>1.212.587.330</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.058.753.687	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	487.454.742
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	6.026.485.880	725.132.588

10.410  
C  
TRÁCH  
KIẾ  
T  
1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>60.918.287.953</b>	<b>22.734.629.864</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.187.671.977</b>	<b>15.647.654.789</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	25.963.604.182	15.075.864.296
<i>Nguyên giá</i>	222		32.870.585.796	19.056.573.005
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.906.981.614)	(3.980.708.709)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	313.119.553	320.116.633
<i>Nguyên giá</i>	228		342.857.143	342.857.143
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(29.737.590)	(22.740.510)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	1.910.948.242	251.673.860
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.576.550.000</b>	<b>6.076.550.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	1.556.550.000	1.556.550.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	8.020.000.000	4.520.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.154.065.976</b>	<b>1.010.425.075</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	22.982.366.457	676.008.898
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	63.843.519	334.416.177
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	107.856.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>444.453.752.752</b>	<b>103.620.220.608</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>356.878.794.799</b>	<b>72.752.738.979</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>355.062.064.494</b>	<b>72.121.336.564</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	20.259.062.315	10.463.010.973
2. Phải trả người bán	312	V.17	53.158.699.357	30.631.119.441
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	228.720.719.560	18.282.743.335
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	2.312.398.888	988.936.518
5. Phải trả người lao động	315	V.20	740.363.561	581.487.550
6. Chi phí phải trả	316	V.21	927.476.214	1.404.369.713
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	46.353.296.347	9.439.669.034
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.23	2.590.048.252	330.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.816.730.305</b>	<b>631.402.415</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	1.764.700.000	607.100.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	52.030.305	24.302.415
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>87.574.957.953</b>	<b>30.867.481.629</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>85.471.784.935</b>	<b>30.439.611.443</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	66.361.200.000	24.000.031.816
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	2.122.223.840	2.122.223.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	6.290.866.717	3.172.712.591
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	2.697.494.378	1.144.643.196
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	8.000.000.000	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2.103.173.018</b>	<b>427.870.186</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.27	2.103.173.018	427.870.186
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>444.453.752.752</b>	<b>103.620.220.608</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		2.140.000.000	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		10.000.000	-
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2008

Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập biểu

Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	336.266.806.073	189.300.783.955
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	1.181.818.182
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	336.266.806.073	188.118.965.773
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	286.300.103.455	169.380.649.006
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.966.702.618	18.738.316.767
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.604.315.633	3.146.095.831
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.420.524.319	1.370.531.647
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.420.113.319	1.015.354.047
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.295.773.783	4.770.073.365
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4.501.981.500	2.690.375.630
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.352.738.649	13.053.431.956
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.153.969.901	1.084.964.405
12. Chi phí khác	32	VI.8	24.300.146	22.555.752
13. Lợi nhuận khác	40		2.129.669.755	1.062.408.653
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.482.408.404	14.115.840.609
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	11.154.812.102	3.509.804.084
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		270.572.658	(334.416.177)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>31.057.023.644</u>	<u>10.940.452.702</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>6.187</u>	<u>4.857</u>

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2008

Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập biểuLý Thị Bình  
Kế toán trưởngĐoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42.482.408.404	14.115.840.609
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	2.933.269.985	1.983.695.081
- Các khoản dự phòng	03		140.217.365	123.159.417
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.250.000.000)	10.278.561
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.420.113.319	1.015.354.047
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.726.009.073	17.248.327.715
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(84.668.501.833)	(17.256.648.085)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(143.955.941.779)	(28.861.696.238)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		265.781.701.271	24.024.759.358
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(22.217.289.313)	(157.443.370)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.420.113.319)	(1.015.354.047)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(9.852.459.299)	(3.355.550.060)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	3.355.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.27	(1.430.399.533)	(991.676.805)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>45.963.005.268</b>	<b>(7.010.281.532)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(15.562.355.419)	(3.626.431.502)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.450.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	VI.3	1.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		700.000.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(15.812.355.419)</b>	<b>(3.626.431.502)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.26	42.361.168.184	8.576.260.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16, 24	73.290.209.132	43.845.582.672
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16, 24	(62.336.557.790)	(38.955.471.699)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(9.191.965.567)	(3.999.206.926)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>44.122.853.959</b>	<b>9.467.164.047</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>74.273.503.808</b>	<b>(1.169.548.987)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>3.005.448.124</b>	<b>4.174.997.111</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>77.278.951.932</b>	<b>3.005.448.124</b>

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2008

Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập biểu

Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc



# **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2007**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
  - Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước.
  - Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh).
  - Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản.
  - Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản.
  - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.
  - Gia công chế biến đá xây dựng.
  - Sản xuất vật liệu xây dựng.
  - Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn. Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc.
  - Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử.
  - Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất.
  - Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 là năm tài chính thứ 5 của Công ty.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

##### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

##### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

##### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

##### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

##### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

##### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ %</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5,00
Máy móc và thiết bị	20,00
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16,67
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20,00
Tài sản cố định khác	25,00

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### 9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 2 - 3 năm.

#### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

#### **12. Các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 5% trên doanh thu.

#### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### **14. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

#### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2006 : 16.101 VND/USD

31/12/2007 : 16.114 VND/USD

#### 17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

#### 18. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Công ty chỉ ghi nhận doanh thu của hoạt động xây dựng khi hoàn thành bàn giao cho khách hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.723.960.602	717.307.211
Tiền gửi ngân hàng	75.554.991.330	2.288.140.913
<b>Cộng</b>	<b>77.278.951.932</b>	<b>3.005.448.124</b>

##### 2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu dưới 30 ngày	34.137.016.743	21.742.705.538
Các khoản phải thu từ 30 đến 60 ngày	4.566.707.207	8.671.682.364
Các khoản phải thu trên 60 ngày	19.755.868.730	5.808.800.486
<b>Cộng</b>	<b>58.459.592.680</b>	<b>36.223.188.388</b>

##### 3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	38.536.727.399	5.570.871.250
Công ty TNHH thương mại dịch vụ địa ốc Hoàng Quân	550.000.000	450.000.000
Bùi Thị Thu Hương	2.380.750.000	-
Nguyễn Dương Thi	6.330.000.000	-
Nguyễn Văn Trương	2.770.000.000	-
Công ty Cổ phần Việt Hùng	3.064.145.049	-
Công ty TNHH xây lắp điện Sông Bé	1.165.000.000	-
Công ty TNHH xây dựng thương mại Hào Thiên	990.000.000	-
Khách hàng khác	1.421.359.952	297.303.100
<b>Cộng</b>	<b>57.207.982.400</b>	<b>6.318.174.350</b>

##### 4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bồi thường công trình khu liên hợp	28.307.601	-
Phải thu Tân Thạnh Mỹ	137.870.000	134.870.000
Cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư	-	500.000.000
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	15.861.837	-
Các khoản phải thu khác	60.545.783	45.933.967
<b>Cộng</b>	<b>242.585.221</b>	<b>680.803.967</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	39.897.263	39.611.038
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	145.921.593	54.598.176
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	97.664.853	49.057.130
<b>Cộng</b>	<b>283.483.709</b>	<b>143.266.344</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.283.819.417	1.649.174.082
Công cụ, dụng cụ	76.570.300	51.348.251
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	147.088.108.993	24.549.267.693
Thành phẩm	678.030.350	742.641.385
Hàng hóa	25.418.067.648	6.596.223.518
<b>Cộng</b>	<b>177.544.596.708</b>	<b>33.588.654.929</b>

**7. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	6.018.485.480	632.625.588
Tài sản thiếu chờ xử lý	8.000.400	92.507.000
<b>Cộng</b>	<b>6.026.485.880</b>	<b>725.132.588</b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	2.725.433.434	4.792.310.647	11.008.317.396	447.250.443	83.261.085	19.056.573.005
Tăng trong năm	1.515.306.438	946.049.735	10.588.639.009	764.017.609	-	13.814.012.791
Mua sắm mới	-	946.049.735	10.350.590.827	764.017.609	-	12.060.658.171
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.515.306.438	-	238.048.182	-	-	1.753.354.620
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.240.739.872</b>	<b>5.738.360.382</b>	<b>21.596.956.405</b>	<b>1.211.268.052</b>	<b>83.261.085</b>	<b>32.870.585.796</b>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	165.304.762	65.153.917	-	230.458.679
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	440.459.421	841.818.963	2.523.475.501	174.786.968	167.856	3.980.708.709
Tăng trong năm	321.176.755	557.904.028	1.853.865.220	172.511.642	20.815.260	2.926.272.905
<b>Số cuối năm</b>	<b>761.636.176</b>	<b>1.399.722.991</b>	<b>4.377.340.721</b>	<b>347.298.610</b>	<b>20.983.116</b>	<b>6.906.981.614</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	2.284.974.013	3.950.491.684	8.484.841.895	272.463.475	83.093.229	15.075.864.296
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.479.103.696</b>	<b>4.338.637.391</b>	<b>17.219.615.684</b>	<b>863.969.442</b>	<b>62.277.969</b>	<b>25.963.604.182</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.454.322.189 VND và 13.137.229.820 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương và VID Public.

#### 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm máy vi tính</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	342.857.143
Số cuối năm	<u>342.857.143</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	22.740.510
Tăng trong năm	6.997.080
Số cuối năm	<u>29.737.590</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	320.116.633
Số cuối năm	<u>313.119.553</u>

Toàn bộ tài sản cố định vô hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

		Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
	Số đầu năm	trong năm	trong năm		
Mua sắm TSCĐ	251.673.860	11.882.786.068	(12.060.658.171)	-	73.801.757
XDCB dở dang	-	3.679.569.351	(1.753.354.620)	(89.068.246)	1.837.146.485
Cộng	<u>251.673.860</u>	<u>15.562.355.419</u>	<u>(13.814.012.791)</u>	<u>(89.068.246)</u>	<u>1.910.948.242</u>

#### 11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty đã cùng với đối tác phía Singapore (Công ty GTL International) thành lập Công ty liên doanh TNHH Sinviet. Công ty liên doanh được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp với số vốn pháp định là USD 200.000,00, trong đó Công ty góp 50% tương đương 1.556.550.000 VND.

#### 12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào Công ty đầu tư và kinh doanh bất động sản với tư cách là cổ đông sáng lập	7.000.000.000	3.500.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Bình Dương	1.020.000.000	1.020.000.000
Cộng	<u>8.020.000.000</u>	<u>4.520.000.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	676.008.898	569.635.704	(712.842.463)	532.802.139
Chi phí sửa chữa	-	209.078.369	(48.809.470)	160.268.899
Chi phí thuê văn phòng	-	216.600.000	(144.200.000)	72.400.000
Chi phí hoa hồng môi giới (*)	-	21.957.336.363	(43.200.000)	21.914.136.363
Thuê quyền sử dụng đất	-	144.000.000	-	144.000.000
Chi phí khác	-	391.156.881	(232.397.825)	158.759.056
<b>Cộng</b>	<b>676.008.898</b>	<b>23.487.807.317</b>	<b>(1.181.449.758)</b>	<b>22.982.366.457</b>

(\*) Chi phí hoa hồng môi giới phân bổ cho các căn hộ khi phát sinh doanh thu.

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	334.416.177
Phát sinh trong năm	63.843.520
Hoàn nhập trong năm	(334.416.177)
<b>Số cuối năm</b>	<b>63.843.520</b>

**15. Tài sản dài hạn khác**

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

**16. Vay và nợ ngắn hạn**

Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất 10,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	10.463.010.973
Số tiền vay phát sinh trong năm	71.820.209.132
Số tiền vay đã trả trong năm	(62.024.157.790)
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.259.062.315</b>

**17. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sun Steel	1.804.761.244	-
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Thép Việt	5.323.867.708	3.965.174.585
Chi nhánh DNTN Đại Phúc 03	2.747.916.344	1.114.475.209
Công ty TNHH Shell Việt Nam	7.239.038.400	12.768.480.195
Chi nhánh Công ty xi măng Hà Tiên Kiên Giang	2.053.004.140	4.176.079.810
Công ty liên doanh xi măng Holcim	4.127.716.051	1.518.613.683
Công ty lưới thép hàn V.R.C	442.027.264	1.027.468.524



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH công nghiệp gốm Bạch Mã	1.448.722.936	306.982.036
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Lộc Thành	1.534.535.008	4.514.990
Công ty cổ phần xây dựng thương mại Ban Tích	4.989.316.904	-
Chi nhánh miền Trung Tổng công ty thép Việt Nam	1.368.015.390	-
DNTN Tiên Sinh	1.067.079.868	-
Công ty TNHH ICI	1.825.829.681	3.943.896
Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương	2.861.166.153	1.241.966.762
Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại Minh Đức Trung	1.044.336.801	-
Công ty TNHH lưới thép hàn Song Hợp Lực	1.205.601.856	994.462.217
Công ty TNHH Trí Dũng	1.627.280.996	158.495.964
Các nhà cung cấp khác	10.448.482.613	3.350.461.570
<b>Cộng</b>	<b><u>53.158.699.357</u></b>	<b><u>30.631.119.441</u></b>

**18. Người mua trả tiền trước**

Khách hàng ứng trước tiền mua nhà.

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(483.389.327)	1.343.929.138	(860.539.811)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	988.936.518	11.154.812.102	(9.852.459.299)	2.291.289.321
Thuế thu nhập cá nhân	(4.065.415)	79.428.524	(54.253.542)	21.109.567
Các loại thuế khác	-	5.500.000	(5.500.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	221.109.000	(221.109.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>501.481.776</u></b>	<b><u>12.804.778.764</u></b>	<b><u>(10.993.861.652)</u></b>	<b><u>2.312.398.888</u></b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Ciment, hoạt động xây lắp và hoá chất các loại	10%
Vật liệu xây dựng khác	5%

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem thuyết minh số IV.15.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.482.408.404	14.115.840.609
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	72.537.165	1.521.588.356
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.716.330.921)	(3.102.414.379)
Tổng thu nhập chịu thuế	39.838.614.648	12.535.014.586
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>11.154.812.102</b>	<b>3.509.804.084</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**20. Phải trả người lao động**

Tiền lương tháng 12 chưa chi.

**21. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Trích trước chi phí vận chuyển	899.702.424	1.313.923.670
Chi phí khác	27.773.790	90.446.043
<b>Cộng</b>	<b>927.476.214</b>	<b>1.404.369.713</b>

**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	38.640.000	12.120.000
Bảo hiểm xã hội	4.300.000	18.321.450
Bảo hiểm y tế	-	1.930.130
Kinh phí công đoàn	196.246.827	89.748.254
Cổ tức phải trả	15.280.315.971	9.191.965.567
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	3.779.388.000	52.000.000
Thu hộ tiền mua nhà	26.259.100.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	795.305.549	73.583.633
<b>Cộng</b>	<b>46.353.296.347</b>	<b>9.439.669.034</b>

**23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	330.000.000
Tăng do trích lập trong năm	2.668.741.992
Số đã sử dụng trong năm	(78.693.740)
Số đã hoàn nhập trong năm	(330.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.590.048.252</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****24. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương để mua xe tải cầu với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND loại kỳ hạn 12 tháng cộng phí 3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị	1.635.000.000	385.000.000
Vay VID Public Bank để mua xe ô tô với lãi suất kỳ hạn 6 tháng VND cộng 4,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay	129.700.000	222.100.000
<b>Cộng</b>	<b>1.764.700.000</b>	<b>607.100.000</b>

**Kỳ hạn thanh toán vay**

Từ 1 năm trở xuống	612.400.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.152.300.000
<b>Tổng nợ</b>	<b>1.764.700.000</b>

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay như sau:

Số đầu năm	607.100.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.470.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(312.400.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.764.700.000</b>

**25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	24.302.415
Số trích lập trong năm	27.727.890
<b>Số cuối năm</b>	<b>52.030.305</b>

**26. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	40.467.000.000	13.954.131.816
Vốn góp của các cổ đông	25.894.200.000	10.045.900.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.122.223.840	2.122.223.840
<b>Cộng</b>	<b>68.483.423.840</b>	<b>26.122.255.656</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Cổ tức*

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	9.191.965.567
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
<b>Cộng</b>	<b>9.191.965.567</b>

Sau ngày kết thúc năm tài chính Hội đồng quản trị đã dự kiến công bố cổ tức trên cổ phiếu phổ thông năm 2007 là 45% trên vốn góp và thời điểm góp vốn.

#### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.636.120	2.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.636.120	2.400.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.636.120	2.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.636.120	2.400.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### *Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	277.400.391	2.795.132.129	(1.168.890.000)	1.903.642.520
Quỹ phúc lợi	150.469.795	310.570.236	(261.509.533)	199.530.498
<b>Cộng</b>	<b>427.870.186</b>	<b>3.105.702.365</b>	<b>(1.430.399.533)</b>	<b>2.103.173.018</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng doanh thu	336.266.806.073	189.300.783.955
- Doanh thu bán ciment	21.978.541.430	23.010.090.691
- Doanh thu bán sắt thép, cấu kiện đúc sẵn	58.375.497.323	45.572.991.272
- Doanh thu bán đá và bê tông tươi	83.661.268.820	48.724.796.010
- Doanh thu nhựa đường	69.064.215.768	50.236.335.153
- Doanh thu xây dựng nhà	53.374.839.819	6.600.000.001
- Doanh thu khác	49.812.442.913	15.156.570.828
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(1.181.818.182)
- Hàng bán bị trả lại	-	(1.181.818.182)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>336.266.806.073</b>	<b>188.118.965.773</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán ciment	21.978.541.430	23.010.090.691
- Doanh thu bán sắt thép, cấu kiện đúc sẵn	58.375.497.323	45.572.991.272
- Doanh thu bán đá và bê tông tươi	83.661.268.820	48.724.796.010
- Doanh thu nhựa đường	69.064.215.768	50.236.335.153
- Doanh thu xây dựng nhà	53.374.839.819	5.418.181.819
- Doanh thu khác	49.812.442.913	15.156.570.828

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	138.909.263.872	108.770.560.819
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(a)</sup>	95.509.917.736	55.048.884.089
Giá vốn nguyên vật liệu	54.020.070	54.749.448
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	51.826.901.777	5.497.066.620
Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	9.388.030
<b>Cộng</b>	<b>286.300.103.455</b>	<b>169.380.649.006</b>

<sup>(a)</sup> Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	226.752.298.290	70.115.843.146
Chi nhân công trực tiếp	1.461.400.232	2.230.097.754
Chi phí sản xuất chung	27.739.460.179	11.852.071.464
Tổng chi phí sản xuất	255.953.158.701	84.198.012.364
Nhập xuất khác	(15.255.020.643)	5.073.710.903
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(122.538.841.300)	(24.466.077.707)
Tổng giá thành sản xuất	118.159.296.758	64.805.645.560
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	64.611.035	(122.126.876)
Nhập xuất chuyển kho	(22.713.990.057)	(9.634.634.595)
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b>95.509.917.736</b>	<b>55.048.884.089</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	181.730.600	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.172.585.033	25.967.182
Chiết khấu hàng mua	-	17.714.270
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.750.000.000	3.102.414.379
Thu tiền chuyển nhượng cổ phần	1.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.604.315.633</b>	<b>3.146.095.831</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.420.113.319	1.015.354.047
Phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	115.762.600
Hoa hồng môi giới	-	237.000.000
Chi phí khác	411.000	2.415.000
<b>Cộng</b>	<b>1.420.524.319</b>	<b>1.370.531.647</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.893.628.843	780.525.805
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	246.411.339	103.917.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	566.455.865	504.423.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.655.727.972	1.869.954.475
Chi phí khác	2.933.549.764	1.511.251.768
<b>Cộng</b>	<b>8.295.773.783</b>	<b>4.770.073.365</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.470.507.362	893.545.010
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	424.515.822	211.459.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	332.610.997	181.458.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	691.438.701	438.101.318
Chi phí khác	1.582.908.618	965.811.413
<b>Cộng</b>	<b>4.501.981.500</b>	<b>2.690.375.630</b>

#### 7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý tài sản, vật tư thừa	1.683.937.583	1.033.929.526
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	330.000.000	-
Xử lý công nợ	44.163.068	-
Các khoản khác	95.869.250	51.034.879
<b>Cộng</b>	<b>2.153.969.901</b>	<b>1.084.964.405</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	10.278.561
Xử lý tài sản, vật tư thiếu	2.996.521	-
Các khoản khác	21.303.625	12.277.191
<b>Cộng</b>	<b>24.300.146</b>	<b>22.555.752</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.057.023.644	10.940.452.702
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.057.023.644	10.940.452.702
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.020.111	2.252.590
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.187</b>	<b>4.857</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.400.000	2.147.410
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 8 năm 2006	-	105.180
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2007	677.030	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 31 tháng 5 năm 2007	1.934.616	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 6 năm 2007	8.465	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>5.020.111</b>	<b>2.252.590</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229.457.293.763	71.750.648.273
Chi phí nhân công	8.440.510.197	5.711.833.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.933.269.985	1.983.695.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.418.492.823	9.038.669.679
Chi phí khác	6.501.347.216	3.173.614.383
<b>Cộng</b>	<b>268.750.913.984</b>	<b>91.658.461.359</b>

448

TỶ  
HỮU  
AN V  
AN

0 C

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	598.772.658	291.985.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	7.384.950	18.058.650
Phụ cấp	25.020.000	47.000.000
Tiền thưởng	178.300.000	95.385.000
<b>Cộng</b>	<b>809.477.608</b>	<b>452.428.650</b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển	Cổ đông đại diện vốn nhà nước
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Bình Dương	Công ty cùng hệ thống

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển</b>		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	205.970.824.733	118.301.007.326
Thu hộ tiền bán đất	39.890.489.027	4.243.300.000
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	21.052.677.027	5.570.871.240
Thi công công trình xây dựng	10.983.339.732	
Các khoản khác	966.251.711	273.489.257
<b>Công ty liên doanh TNHH SinViet</b>		
Mua nước uống tinh khiết, máy nóng lạnh	65.145.166	51.563.175
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</b>		
Thi công công trình xây dựng	-	1.995.311.000
Bán nguyên vật liệu	10.656.723.396	12.679.939.145
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Bình Dương</b>		
Thi công công trình xây dựng	7.055.300.397	-
Hoa hồng môi giới	1.071.200.000	-
Dịch vụ quảng cáo	152.000.000	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển</i></b>		
Tiền bán nguyên vật liệu	26.447.067.456	24.224.987.912
Thi công công trình xây dựng	5.041.654.634	-
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	38.536.727.389	5.570.871.240
<b><i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</i></b>		
Tiền bán nguyên vật liệu	3.594.397.281	4.437.673.898
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>73.619.846.760</u></b>	<b><u>34.233.533.050</u></b>
<b><i>Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển</i></b>		
Thu hộ tiền bán đất	3.779.388.000	52.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Bình Dương</i></b>		
Thi công công trình xây dựng	508.550.105	-
<b><i>Công ty liên doanh TNHH SinViet</i></b>		
Phải trả tiền mua nước uống tinh khiết, máy nóng lạnh	21.624.000	13.640.984
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>4.309.562.105</u></b>	<b><u>65.640.984</u></b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	86,29	78,06
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	13,71	21,94
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	16,37	70,21
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	83,63	29,79
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	6,11	1,42
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,08	1,12
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,22	0,04
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	12,63	7,50
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	9,24	5,82
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	9,56	13,62
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,99	10,56
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	%	36,34	35,94

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2008

Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập biểu

Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: D8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	21.474.131.816	576.000.000	(4.504.136.160)	3.065.293.361	597.620.561	-	21.208.909.578
Tăng vốn trong năm trước	2.525.900.000	1.546.223.840	4.504.136.160	-	-	-	8.576.260.000
Lợi nhuận tăng năm trước	-	-	-	-	-	10.940.452.702	10.940.452.702
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(9.191.965.567)	(9.191.965.567)
Phân phối các quỹ	-	-	-	107.419.230	547.022.635	(1.748.487.135)	(1.094.045.270)
Số dư cuối năm trước	24.000.031.816	2.122.223.840	-	3.172.712.591	1.144.643.196	-	30.439.611.443
Số dư đầu năm nay	24.000.031.816	2.122.223.840	-	3.172.712.591	1.144.643.196	-	30.439.611.443
Tăng vốn trong năm nay	42.361.168.184	-	-	-	-	-	42.361.168.184
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	31.057.023.644	31.057.023.644
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(15.280.315.971)	(15.280.315.971)
Phân phối các quỹ	-	-	-	3.118.154.126	1.552.851.182	(7.776.707.673)	(3.105.702.365)
Số dư cuối năm nay	66.361.200.000	2.122.223.840	-	6.290.866.717	2.697.494.378	8.000.000.000	85.471.784.935
	-	-	-	-	-	-	-

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2008

Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập biểu



Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc